

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
SEN VÀNG**



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
4. BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG	05 - 07
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	08 - 14
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	15 - 20
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	21 - 22
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	23 - 45

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009 và số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 135.000.000.000 VND.

Vốn pháp định: 135.000.000.000 VND.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Lầu 3-4, Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hồng Quân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Võ Đắc Khôi	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành Viên (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Phan Ngọc Anh Cường	Thành Viên (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành Viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Minh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Bà Lê Thị Phương Uyên	Thành viên
Bà Quan Diễm Trang	Thành viên

#### Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Phan Ngọc Tường	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 18/01/2016, miễn nhiệm ngày 02/06/2016)
Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh	Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 18/01/2016)
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Kế toán trưởng



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:**

Ông Nguyễn Thành Chung

Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2016)

Ông Phan Ngọc Tường

Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 30/03/2016, miễn nhiệm ngày 22/07/2016)

Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh

Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 30/03/2016)

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016.

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả thu nhập toàn diện riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng cũng như kết quả thu nhập toàn diện riêng, các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



Nguyễn Thành Chung

Tổng Giám đốc





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited  
**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số:05.16.179.6T/AISC-DNS

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng, được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2016, Công ty trích khấu hao Tài sản cố định kể từ tháng 01/2016, dẫn đến khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223a và Mã số 229a) trên Bảng Báo cáo tình hình tài chính riêng đang phản ánh thiếu giá trị khấu hao lần lượt là 355.702.832 VND và 380.409.435 VND. Nếu trích khấu hao các Tài sản này thì trên Bảng Báo cáo tình hình tài chính riêng các khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" của tài sản cố định hữu hình (Mã số 223a) sẽ tăng lên là 355.702.832 VND, khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" của tài sản cố định vô hình (Mã số 229a) sẽ tăng lên là 380.409.435 VND và khoản mục "Lợi nhuận đã thực hiện" (Mã số 417.1) cũng sẽ giảm đi tương ứng là 736.112.267 VND. Đồng thời, trên Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" sẽ tăng là 736.112.267 VND chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi tương ứng là 736.112.267 VND.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016*



**TRƯỞNG DIỆU THÚY**

Số Giấy CNDKHNKT: 0212-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VI.1	2.259.316.095	216.011.000
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		2.139.685.695	-
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		119.630.400	216.011.000
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06		6.000.000	27.606.068
1.7 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu tư vấn	08		-	10.000.000
1.9 Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	09		-	-
1.10 Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		-	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		964.418.676	511.691.936
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)</b>	<b>20</b>		<b>3.229.734.771</b>	<b>765.309.004</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	VI.1	2.805.042.693	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		2.805.042.693	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	23		-	-
2.4 Lỗ bán các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24		(2.606.771.413)	133.833.899
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27		-	-
2.8 Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí tư vấn	29		-	-
2.10 Chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác	30		-	10.900.039
2.11 Chi phí lưu ký chứng khoán	31		-	-
2.12 Chi phí khác	32		26.082.176	13.343.222
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)</b>	<b>40</b>		<b>224.353.456</b>	<b>158.077.160</b>

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>VI.2</b>		
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		33.072.132	23.950.105
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)</b>	<b>50</b>		<b>33.072.132</b>	<b>23.950.105</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí đầu tư khác	54		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (50 = 51→54)</b>	<b>60</b>		-	-
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VI.3</b>	<b>1.861.458.189</b>	<b>4.353.486.338</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>1.176.995.258</b>	<b>(3.722.304.389)</b>
<b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1 Thu nhập khác	71		-	4.984.636
8.2 Chi phí khác	72		-	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		-	<b>4.984.636</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>1.176.995.258</b>	<b>(3.717.319.753)</b>
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		-	-
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>VI.4</b>	-	-
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>1.176.995.258</b>	<b>(3.717.319.753)</b>
11.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		-	-
11.2 Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ	202		-	-
11.3 Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát	203		-	-
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			



**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	301		-	-
12.2 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	302		-	-
12.3 Lãi/(Lỗ) toàn diện khác được chia từ hoạt động đầu tư vào công ty con, đầu tư liên doanh, liên kết	303		-	-
12.4 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh	304		-	-
12.5 Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	305		-	-
12.6 Lãi/(Lỗ) từ các khoản đầu tư vào công ty con. Công ty liên kết, liên doanh chưa chia	306		-	-
12.7 Lãi/(Lỗ) đánh giá công cụ phái sinh	307		-	-
12.8 Lãi/(Lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	308		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		-	-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		-	-
Thu nhập toàn diện phân bổ cho đối tượng khác (nếu có)	402		-	-
	<b>500</b>			
<b>XII THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>				
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.6	87	(275)
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy



Nguyễn Thành Chung

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>49.401.615.427</b>	<b>48.271.800.147</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)</b>	<b>110</b>		<b>49.207.765.429</b>	<b>48.221.550.147</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	49.205.139.429	31.423.282.058
1.1.	Tiền	111.1		862.737.257	622.428.730
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		48.342.402.172	30.800.853.328
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3	486.835	19.296.447.883
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4.	Các khoản cho vay	114		-	-
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.5	(365.035)	(2.607.136.448)
7.	Các khoản phải thu	117		-	-
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	-
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
	Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	117.3.1		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	-
8.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118		-	-
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122	V.6	787.789.095	894.241.549
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.7	(785.284.895)	(785.284.895)
<b>II.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 136)</b>	<b>130</b>		<b>193.849.998</b>	<b>50.250.000</b>
1.	Tạm ứng	131		133.600.000	10.000.000
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.8a	19.999.998	-
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		40.250.000	40.250.000
5.	Tài sản ngắn hạn khác	135		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	136		-	-



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
	(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		11.296.274.272	11.364.494.963
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	210		-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2.	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	220		10.583.510.804	10.583.510.804
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.931.727.156	4.931.727.156
	- Nguyên giá	222		10.226.851.800	10.226.851.800
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(5.295.124.644)	(5.295.124.644)
	- Đánh giá TSCDHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-	-
	- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.651.783.648	5.651.783.648
	- Nguyên giá	228		16.028.833.235	16.028.833.235
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(10.377.049.587)	(10.377.049.587)
	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	240		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	250		712.763.468	780.984.159
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.8b	170.913.243	269.439.531
3.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	-
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.9	541.850.225	511.544.628
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	260		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		<u>60.697.889.699</u>	<u>59.636.295.110</u>

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>80.171.932</b>	<b>195.572.601</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.171.932</b>	<b>195.572.601</b>
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1.	Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	315		-	-
4.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5.	Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7.	Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	-
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.12	8.156.973	18.827.523
11.	Phải trả người lao động	323		-	-
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325		-	111.342.870
14.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		31.554.581	31.225.883
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		40.351.444	34.067.391
18.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		108.934	108.934
<b>II.</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341		-	-
1.1	Vay dài hạn	342		-	-
1.2	Nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	343		-	-
2.	Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	345		-	-
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5.	Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6.	Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7.	Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8.	Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11.	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư	355		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		60.617.717.767	59.440.722.509
I.	Vốn chủ sở hữu	410		60.617.717.767	59.440.722.509
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	135.000.000.000	135.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
b.	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.14	(74.382.282.233)	(75.559.277.491)
7.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(74.382.282.233)	(75.559.277.491)
7.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			60.617.717.767	59.440.722.509
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		60.697.889.699	59.636.295.110
	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450			
1.	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451		-	-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>					
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3.	Tài sản nhận thế chấp	3		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	5		-	-
6.	Cổ phiếu đang lưu hành	6		-	-
7.	Cổ phiếu quỹ	7		-	-
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	8		420.000	9.688.900.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		420.000	9.688.900.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	008.2		-	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	008.3		-	-
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	008.4		-	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	008.5		-	-
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	008.6		-	-
g.	Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	008.7		-	-
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	9		-	-
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		-	-
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	009.2		-	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	009.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	009.4		-	-
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	10		-	-
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	11		-	-
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	12		-	-
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	13		-	-



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>					
				Số lượng chứng khoán	
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	V.51	161.075	170.096
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		161.075	170.096
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	-
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22		-	-
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	-
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23		-	-
4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	24		-	-
5.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	25		-	-
				Đồng Việt Nam	
6.	Tiền gửi của khách hàng	26		-	-
6.1	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	27		-	-
a.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027.1		-	-
b.	Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	027.2		-	-
6.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			-	-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
6.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	28		-	-
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	028.1		-	-
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	028.2		-	-
6.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	29		-	-
7.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30		31.554.581	31.225.883
7.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		31.554.581	31.225.883
7.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		-	-
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	31		-	-
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.1		-	-
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.2		-	-
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32		-	-
10.	Phải thu/phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	33		-	-
11.	Phải trả vay CTCK	34		-	-
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	35		40.351.444	34.067.391

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy




Nguyễn Thành Chung



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		1.176.995.258	(3.717.319.753)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(3.645.366.331)	377.668.323
- Khấu hao TSCĐ	03		-	1.360.917.822
- Các khoản dự phòng	04		(2.606.771.413)	133.833.899
(-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05		-	-
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		78.526.290	(360.566.721)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		(1.117.121.208)	(756.516.677)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		-	-
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	11		-	-
- Lỗ đánh giá giá trị các công nợ tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	12		-	-
- Lỗ đánh giá giá trị các công cụ tài chính phái sinh	13		-	-
- Lỗ từ thanh lý các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15		-	-
- Lỗ đánh giá giá trị các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro	16		-	-
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	17		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định	18		-	-
- Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết	19		-	-

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	20		-	-
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	21		-	-
- Lãi đánh giá giá trị các công nợ tài chính thông qua kết quả kinh doanh	22		-	-
- Lãi từ thanh lý các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23		-	-
- Hoàn nhập suy giảm giá trị của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24		-	-
- Lãi đánh giá giá trị Các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa	25		-	-
- Lãi từ thanh lý các khoản cho vay và phải thu	26		-	-
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	27		-	-
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định, BĐSĐT	28		-	-
- Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết	29		-	-
<b>5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>	30		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	31		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		-	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		-	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	35		-	-
- Tăng (giảm) các khoản phải thu	36		-	-
- Tăng (giảm) vay và nợ thuê tài sản tài chính	37		-	-
- Tăng (giảm) vay tài sản tài chính	38		-	-
- Tăng (giảm) Trái phiếu chuyển đổi - Cấu phần nợ	39		-	-
- Tăng (giảm) Trái phiếu phát hành	40		-	-
- Tăng (giảm) vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	41		-	-



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>42</b>		<b>19.163.412.833</b>	<b>(1.176.445.859)</b>
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	43		19.295.961.048	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	44		-	-
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		-	-
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	46		-	-
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	47		(17.147.546)	(15.934.381)
(+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	48		(115.729.367)	(860.433.587)
(+) Tăng, (-) giảm phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	49		-	-
(+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		-	-
(+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	51		-	-
(+) Tăng, (-) giảm Thuế TNDN CTCK đã nộp	52		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53		328.698	1.806.657.781
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		-	(2.106.735.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>16.695.041.760</b>	<b>(4.516.097.289)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	4.863.636
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		1.086.815.611	751.653.041
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>1.086.815.611</b>	<b>756.516.677</b>

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2 Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		-	-
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>17.781.857.371</b>	<b>(3.759.580.612)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>31.423.282.058</b>	<b>36.056.784.695</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		31.423.282.058	36.056.784.695
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		622.428.730	36.056.784.695
- Các khoản tương đương tiền	102.2		30.800.853.328	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102.3		-	-
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>49.205.139.429</b>	<b>32.297.204.083</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		49.205.139.429	32.297.204.083
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		862.737.257	32.297.204.083
- Các khoản tương đương tiền	104.2		48.342.402.172	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104.4		-	-



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG</b>				
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		-	-
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	3		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	4		-	-
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	5		-	-
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	6		-	-
7. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	7		-	-
8. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	8		-	-
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	9		-	-
10. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		-	-
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		31.225.883	306.164.338
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			31.225.883	306.164.338
Trong đó có kỳ hạn	32		-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý			-	-
Trong đó có kỳ hạn	33		-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành			-	-
Trong đó có kỳ hạn	36		-	-
Các khoản tương đương tiền	37		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	38		-	-

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>31.554.581</b>	<b>38.086.447</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		31.554.581	38.086.447
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			31.554.581	38.086.447
Trong đó có kỳ hạn	42		-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý			-	-
Trong đó có kỳ hạn	43		-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành			-	-
Trong đó có kỳ hạn	46		-	-
Các khoản tương đương tiền	47		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	48		-	-

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Thùy

Tổng Giám đốc


  
 Nguyễn Thành Chung



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B04g - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	06 tháng đầu năm 2015		06 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A		1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	-	-	-	-
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(68.595.906.617)	(75.559.277.491)	-	3.717.319.753	1.176.995.258	-	(72.313.226.370)	(74.382.282.233)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(68.595.906.617)	(75.559.277.491)	-	3.717.319.753	1.176.995.258	-	(72.313.226.370)	(74.382.282.233)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		66.404.093.383	59.440.722.509	-	3.717.319.753	1.176.995.258	-	62.686.773.630	60.617.717.767
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B04g - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	06 tháng đầu năm 2015		06 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A		1	2	3	4	5	6	7	8
2. Phần sở hữu đối với thu nhập toàn diện khác của công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Lãi, lỗ đánh giá công cụ tài chính phái sinh		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Lãi, lỗ giao dịch kinh doanh ở nước ngoài		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Tăng, giảm khoản vốn góp vào công ty con		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Mua các khoản đầu tư vào công ty con		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Mua cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Thanh lý cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Thay đổi vốn chủ sở hữu của cổ đông không nắm quyền kiểm soát		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu và Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Bích Thùy*

Nguyễn Thị Bích Thùy

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Chung



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009 và số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2015.

**Tên tiếng anh:** GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

**Tên viết tắt:** GLS

**Trụ sở chính:** Lầu 3-4, Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

**Điều lệ hoạt động** Công ty ban hành ngày 15/05/2007 và sửa đổi, bổ sung ngày 28/06/2013.

#### 2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

#### 4. Quy mô vốn CTCK: Vốn pháp định là 135.000.000.000 VND.

#### 5. Hạn chế đầu tư:

Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung TT210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
  - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
  - + Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

7. Tổng số nhân viên đến thời điểm lập báo cáo cuối kỳ: 08 người (tại ngày 31/12/2015: 10 người).

### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.)



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thông tư số 210/2014/TT-BTC đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 theo quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC khi so sánh với số liệu báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, thu nhập toàn diện riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2015, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư số 210/2014/TT-BTC ảnh hưởng đến báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 bao gồm:

Thay đổi biểu mẫu, cách lập và trình bày các Báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị gốc;
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế;
- Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt bao gồm các khoản tiền mặt bằng Việt Nam đồng.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn** bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính.

### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá tài sản tài chính.

#### 3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính.

Các tài sản tài chính của Công ty (bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết) được phân thành các nhóm sau đây dựa vào bản chất và mục đích sở hữu tại ngày mua.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời. Các tài sản tài chính bao gồm: cổ phiếu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập toàn diện riêng.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá gốc (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo thu nhập toàn diện riêng.

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính thuộc nhóm khác khi bán cần phải phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện riêng như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**Các khoản cho vay và phải thu:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ủng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu mà không thực hiện lập dự phòng khi khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bị giảm giá.

### 3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính

#### a. Nguyên tắc đánh giá

##### Đối với Cổ phiếu

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy, đình chỉ hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng gần nhất.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày cuối kỳ kế toán.

Các cổ phiếu niêm yết bị hủy giao dịch, đình chỉ giao dịch hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu (06) trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng gần nhất của Công ty.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### b. Nguyên tắc xử lý các khoản chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện riêng tại chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện riêng tại chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL", chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phân loại nợ tài chính.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo thu nhập toàn diện riêng và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Nợ tài chính được chấm dứt ghi nhận khi Công ty không còn nghĩa vụ bắt buộc phải thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu cho đơn vị khác.

### 3.3 Nguyên tắc bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.4 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá tình hình suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính sau: Tài sản tài chính FVTPL. Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

### 3.5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường giao dịch (nếu có).

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	5 - 50 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	3 - 20 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	06 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 05 năm
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	01 - 03 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Khi lập báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ phải trả lại bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Trường hợp nhận thế chấp, cầm cố bằng hiện vật thì không được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng mà được theo dõi trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### 6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính**

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu khó đòi được xem xét trích lập dự phòng rủi ro ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí: công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Công ty chịu thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong năm.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

#### Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

**Doanh thu** được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 10.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

#### a. Từ các TSTC PVTPL, HTM, AFS

**Thu nhập từ tài sản FVTPL** được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra hoặc chênh lệch tăng do đánh giá lại vào cuối kỳ theo giá trị hợp lý, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

**Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, AFS** được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

**Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, AFS** được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

### 10.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

**Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán** được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

**Chi phí** là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

**Chi phí** được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập toàn diện riêng phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 13. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### 14. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2016	01/01/2016
Tiền	862.737.257	622.428.730
Tiền mặt	25.541.339	89.074.811
Tiền gửi ngân hàng	837.195.918	533.353.919
Trong đó:		
Tiền gửi ngân hàng của công ty	837.195.918	533.353.919
Các khoản tương đương tiền	48.342.402.172	30.800.853.328
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	48.342.402.172	30.800.853.328
Cộng	49.205.139.429	31.423.282.058

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	06 tháng đầu năm 2016	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Công ty chứng khoán	1.018.848	19.255.604.050
- Cổ phiếu	918.848	10.955.604.050
- Chứng khoán khác	100.000	8.300.000.000
Cộng	1.018.848	19.255.604.050

**3. Các loại tài sản tài chính**

Chỉ tiêu	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	136.835	83.300	19.296.097.883	18.265.017.900
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	350.000	38.500	350.000	56.000
Cộng	486.835	121.800	19.296.447.883	18.265.073.900

**4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường:** Xem thuyết minh chi tiết trang 41.**5. Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính:** Xem thuyết minh chi tiết trang 42.

6. Phải thu khác	30/06/2016	01/01/2016
Hỗ trợ tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư	449.537.244	449.537.244
Giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	335.747.651	335.747.651
Phải thu khác	2.504.200	108.956.654
Cộng	787.789.095	894.241.549

Trong đó, nợ phải thu khó đòi: 785.284.895 VND.

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Dự phòng phải thu khó đòi: Xem thuyết minh chi tiết trang 43.

	30/06/2016	01/01/2016
<b>8. Chi phí trả trước</b>		
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>19.999.998</b>	<b>-</b>
Công cụ, dụng cụ	19.999.998	-
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>170.913.243</b>	<b>269.439.531</b>
Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác	170.913.243	269.439.531
<b>Cộng</b>	<b>190.913.241</b>	<b>269.439.531</b>
<b>9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	391.544.628	391.544.628
Tiền lãi phân bổ hàng năm	30.305.597	-
<b>Cộng</b>	<b>541.850.225</b>	<b>511.544.628</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	9.241.871.700	984.980.100	10.226.851.800
Số dư cuối kỳ	9.241.871.700	984.980.100	10.226.851.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	4.310.144.544	984.980.100	5.295.124.644
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.310.144.544	984.980.100	5.295.124.644
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	4.931.727.156	-	4.931.727.156
Số dư cuối kỳ	4.931.727.156	-	4.931.727.156

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 984.980.100 VND.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	16.028.833.235	16.028.833.235
Số dư cuối kỳ	16.028.833.235	16.028.833.235
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	10.377.049.587	10.377.049.587
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	10.377.049.587	10.377.049.587
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	5.651.783.648	5.651.783.648
Số dư cuối kỳ	5.651.783.648	5.651.783.648



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong kỳ Công ty ngưng trích khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh V.10 và V.11 trang 34) theo khoản 2 điều 1 Nghị quyết của hội đồng quản trị số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2016.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT phải nộp	2.109.091	-	2.109.091	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.718.432	46.563.176	55.124.635	8.156.973
<b>Cộng</b>	<b>18.827.523</b>	<b>46.563.176</b>	<b>57.233.726</b>	<b>8.156.973</b>

**13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2016	30/06/2016	01/01/2016
Cty CP Xây Dựng Và Kinh Doanh Địa Ốc Hòa Bình	42,34%	57.160.000.000	50.360.000.000
Cty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức	22,49%	30.363.000.000	30.363.000.000
Cty CP Khu Công Nghiệp Long An	9,90%	13.365.000.000	13.365.000.000
NH Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long	0,00%	-	6.750.000.000
Tổng Công Ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1	5,00%	6.750.000.000	6.750.000.000
Các cổ đông khác	20,27%	27.362.000.000	27.412.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

**14. Lợi nhuận chưa phân phối**

	30/06/2016	01/01/2016
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(74.382.282.233)	(75.559.277.491)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(74.382.282.233)</b>	<b>(75.559.277.491)</b>

**VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG****1. Thu nhập và chi phí hoạt động**1.1 *Lãi lỗ bán các tài sản tài chính: Xem thuyết minh chi tiết trang 44.*1.2 *Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS*

+ Từ tài sản tài chính FVTPL

**Cộng**

06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
119.630.400	216.011.000
<b>119.630.400</b>	<b>216.011.000</b>

1.3 *Thu nhập hoạt động khác*

Doanh thu từ tiền gửi có kỳ hạn

**Cộng**

06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
964.418.676	511.691.936
<b>964.418.676</b>	<b>511.691.936</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn

**Cộng**

06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
33.072.132	23.950.105
<b>33.072.132</b>	<b>23.950.105</b>

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015		
<b>3. Chi phí quản lý</b>				
Chi phí nhân viên quản lý	873.190.830	1.380.148.482		
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	22.951.924		
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.360.917.822		
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.929.986	967.945.359		
Chi phí khác	455.337.373	618.522.751		
Cộng	1.861.458.189	4.353.486.338		
	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015		
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				
a. Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	-	-		
- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-		
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-		
- Tổng Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	-	-		
Cộng	-	-		
<b>5. Lũy kế báo cáo thu nhập toàn diện</b>				
	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào KQKD			
Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
A	1	2	3	4
Lợi nhuận đã thực hiện	(75.559.277.491)	1.176.995.258	-	(74.382.282.233)
Cộng	(75.559.277.491)	1.176.995.258	-	(74.382.282.233)
	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015		
<b>6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>				
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.176.995.258	(3.717.319.753)		
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.176.995.258	(3.717.319.753)		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	87	(275)		

**7. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính riêng và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo thu nhập toàn diện riêng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

### 7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng, phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Công ty có chính sách hạn chế cung cấp tín dụng khi khách hàng có khả năng thanh toán trễ hạn và thực hiện trích lập dự phòng nợ khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tổng cộng	Quá hạn và bị suy giảm		
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	> 181 ngày
Ngày 30 tháng 06 năm 2016	-	-	785.284.895
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-	785.284.895

**7.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

**Ngày 30 tháng 06**

<b>năm 2016</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	31.554.581	-	-	31.554.581
<b>Cộng</b>	<b>31.554.581</b>	-	-	<b>31.554.581</b>

**Ngày 31 tháng 12  
năm 2015**

Chi phí phải trả	111.342.870	-	-	111.342.870
Nhận ký quỹ ngắn hạn	31.225.883	-	-	31.225.883
<b>Cộng</b>	<b>142.568.753</b>	-	-	<b>142.568.753</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**8. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:** Xem thuyết minh chi tiết trang 45.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.



Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

		06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2015
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	-	200.000.000
Ban Giám Tổng đốc	Lương và thưởng	223 112 381	217.945.000
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>417.945.000</b>

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán, và chỉ hoạt động tại TP.HCM. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)**

Một số chỉ tiêu đầu kỳ và thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của TT 210/2014/TT-BTC áp dụng cho năm hiện hành.

		06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2015	
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
<b>Trên Báo cáo thu nhập toàn diện riêng</b>				
Khoản mục "Thu nhập hoạt động khác"	Mã số 11	535.642.041	511.691.936	23.950.105
Khoản mục "Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ"	Mã số 42	Không trình bày	23.950.105	(23.950.105)
Khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu"	Mã số 501	Chưa trình bày	(275)	275

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2016 Số đã trình bày	01/01/2016 Số trình bày lại	Chênh lệch
<b>Trên Báo cáo tình hình tài chính riêng</b>				
Khoản mục "Phải thu bán các tài sản tài chính"	Mã số 117.1	108.956.654	-	108.956.654
Khoản mục "Các khoản phải thu khác"	Mã số 122	785.284.895	894.241.549	(108.956.654)
Khoản mục "Tạm ứng"	Mã số 131	Không trình bày	10.000.000	(10.000.000)
Khoản mục "Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn"	Mã số 134	Không trình bày	40.250.000	(40.250.000)
Khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác"	Mã số 135	50.250.000	-	50.250.000

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ngày 01 tháng 06 năm 2016 Đại hội đồng cổ đông công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2016/NQ/ĐHĐCĐ-GLS hủy chủ trương giải thể Công ty tại điều 5 Nghị quyết số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐ-GLS ngày 28 tháng 01 năm 2016 của đại hội đồng cổ đông thường niên. Nghị quyết số 02/2016/NQ/ĐHĐCĐ-GLS.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Thùy

Tổng Giám đốc


  
 Nguyễn Thành Chung



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B05g - C

Đơn vị tính: Đồng/Việ

**4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

STT	Chỉ tiêu	30/06/2016				01/01/2016				Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
		Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng		
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3+4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	Tài sản FVTPL	486.835	121.800	-	(365.035)	121.800	19.296.447.883	17.267.913.300	578.601.865	(2.607.136.448)	17.267.913.300
1	+ Cổ phiếu niêm yết	486.835	121.800	-	(365.035)	121.800	12.261.200.883	10.232.666.300	578.601.865	(2.607.136.448)	10.232.666.300
2	+ Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	7.035.247.000	7.035.247.000	-	-	7.035.247.000
	Cộng	486.835	121.800	-	(365.035)	121.800	19.296.447.883	17.267.913.300	578.601.865	(2.607.136.448)	17.267.913.300

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Bảng tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính**

STT	Loại tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng tại 30/06/2016				Giá trị lập dự phòng tại 01/01/2016	Mức trích lập (hoặc hoàn nhập) kỳ này
		Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường (*)	Giá trị lập dự phòng		
A	B	1	2	3	4	5	6
I	Tài sản FVTPL	42	486.835	121.800	365.035	2.607.136.448	(2.606.771.413)
1	+ Cổ phiếu niêm yết	42	486.835	121.800	365.035	2.607.136.448	(2.606.771.413)
	CII		-			7.200	(7.200)
	EIB		-			23.400	(23.400)
	HAG		-			831.984.000	(831.984.000)
	HAS		-			35.700	(35.700)
	PVD		-			213.499	(213.499)
	TDH	7	136.835	83.300	53.535	1.774.554.149	(1.774.500.614)
	VSP	35	350.000	38.500	311.500	318.500	(7.000)
	Cộng	42	486.835	121.800	365.035	2.607.136.448	(2.606.771.413)

(\*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn được xác định theo nguyên tắc đã thuyết minh tại mục IV.3.1.2 phần thuyết minh chính sách kế toán trong năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

Mẫu số B05g - CTCK

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị khoản phải thu khó đòi	06 tháng đầu năm 2016				06 tháng đầu năm 2015	
			Số đầu năm	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ	Số trích lập dự phòng lũy kế	
1	+ Dự phòng khó đòi phải thu khác	785.284.895	785.284.895	-	-	785.284.895	785.284.895	
	<b>Cộng</b>	<b>785.284.895</b>	<b>785.284.895</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>785.284.895</b>	<b>785.284.895</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B05g - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**1. Thu nhập**

**1.1. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu niêm yết	918.848	329.966	10.955.598.313	12.885.714.048	(1.930.115.735)	(1.930.109.998)	-
	CTCP Dầu Từ Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	1	21.690	21.690	28.800	(7.110)	(7.110)	
	CTCP Dược Hậu Giang	9	76.950	692.550	361.947	330.603	330.603	
	NH TMCP Eximbank	3	9.360	28.080	57.000	(28.920)	(28.920)	
	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	56.540	7.018	396.818.074	1.420.000.000	(1.023.181.926)	(1.023.182.000)	
	CTCP HACISCO	7	5.310	37.170	70.000	(32.830)	(32.830)	
	CTCP Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Hòa Bình	72	20.029	1.442.100	672.108	769.992	769.992	
	CTCP Chứng Khoán TP.HCM	3.088	31.494	97.251.928	71.354.240	25.897.688	25.897.600	
	CTCP Đá Núi nhỏ	3	58.500	175.500	64.600	110.900	110.900	
	NH TMCP Quân Đội	225.790	15.402	3.477.707.896	3.105.927.000	371.780.896	371.780.000	
	CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	9	24.120	217.080	451.999	(234.919)	(234.919)	
	NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8	37.530	300.240	62.515	237.725	237.725	
	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	280.430	13.543	3.797.891.533	5.579.447.914	(1.781.556.381)	(1.781.556.914)	
	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương tín	352.888	9.020	3.183.014.471	2.707.215.925	475.798.546	475.805.875	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	100.000	83.000	8.300.000.000	7.035.247.000	1.264.753.000	1.264.753.000	
	TCT Bia-Rượu-Nước giải khát Hòa Bình	100.000	83.000	8.300.000.000	7.035.247.000	1.264.753.000	1.264.753.000	
	<b>Cộng</b>	<b>1.018.848</b>	<b>412.966</b>	<b>19.255.598.313</b>	<b>19.920.961.048</b>	<b>(665.362.735)</b>	<b>(665.356.998)</b>	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**  
 Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Mẫu số B 09 - CTCK

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		31/12/2015		30/06/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	486.835	(365.035)	19.296.447.883	(2.607.136.448)	121.800	16.689.311.435
- Các khoản phải thu	787.789.095	(785.284.895)	894.241.549	(785.284.895)	2.504.200	108.956.654
- Tiền và các khoản tương đương tiền	49.205.139.429	-	31.423.282.058	-	49.205.139.429	31.423.282.058
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.993.415.359,00</b>	<b>(785.649.930)</b>	<b>51.613.971.490</b>	<b>(3.392.421.343)</b>	<b>49.207.765.429</b>	<b>48.221.550.147</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Nhận ký quỹ ngắn hạn	31.554.581	-	31.225.883	-	31.554.581	31.225.883
Chi phí phải trả	-	-	111.342.870	-	-	111.342.870
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.554.581</b>	<b>-</b>	<b>142.568.753</b>	<b>-</b>	<b>31.554.581</b>	<b>142.568.753</b>